**Mẫu 8, Mẫu trình bày GT, TLTK, bài giảng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG (In hoa cỡ 13)

#### TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO (In hoa cỡ 14 đậm)

**TÊN TÁC GIẢ (In hoa cỡ 14 đậm)**

**GIÁO TRÌNH/TÀI LIỆU/BÀI GIẢNG (in hoa cỡ 24 đậm)**

**TÊN GIÁO TRÌNH/TÀI LIỆU (in hoa cỡ 20 đậm)**

**(Lưu hành nội bộ) (cỡ 16 đậm)**

***Dùng cho đào tạo: ĐH, CĐ, .......* (Đậm, nghiêng cỡ 16)**

**Ngành: ....... (Đậm cỡ 16)**

**Tuyên Quang, năm 20.... (cỡ 14 đậm)**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG (In hoa cỡ 13)

#### TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO (In hoa cỡ 14 đậm)

**TÊN TÁC GIẢ (In hoa cỡ 14 đậm)**

**GIÁO TRÌNH/TÀI LIỆU/BÀI GIẢNG (in hoa cỡ 24 đậm)**

**TÊN GIÁO TRÌNH/TÀI LIỆU (in hoa cỡ 20 đậm)**

**(Lưu hành nội bộ) (cỡ 16 đậm)**

***Dùng cho đào tạo: ĐH, CĐ, .......* (Đậm, nghiêng cỡ 16)**

**Ngành: ....... (Đậm cỡ 16)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Xác nhận của Chủ tịch Hội đồng nghiệm thu**  *Ký và ghi rõ họ tên* | **Chủ biên**  *Ký và ghi rõ họ tên* |

**Tuyên Quang, năm 20.... (cỡ 14 đậm)**

**1. Phần mục lục**

- Liệt kê danh sách đến mục cấp 4, ví dụ 1.1.1.1; 1.1.2.2, ...

**2. Phần mở đầu (lời nói đầu)**

Phần mở đầu cần có nội dung sau:

- Đối tượng sử dụng;

- Mục đích yêu cầu đặt ra cho đối tượng sử dụng;

- Cấu trúc;

- Sơ lược về các kiến thức chính;

- Những đặc điểm mới của giáo trình/TLTK;

- Hướng dẫn sử dụng giáo  trình/TLTK;

- Phân công các tác giả biên soạn các chương (nếu có từ 2 tác giả trở lên).

**3. Bảng ký hiệu (nếu có):**

Liệt kê và giải thích các ký hiệu theo trình tự a, b, c, d, ...

**4. Bảng viết tắt (nếu có):**

Liệt kê và giải thích các chữ viết tắt theo trình tự a, b, c, d, ...

**5. Nội dung cụ thể**

***5.1. Cách đánh số chương mục:*** Chia làm 5 lớp :

- Phần A, B... (nếu có).

- Chương 1, 2, ...

- Mục 1.1, 1.2.

- Mục 1.1.1., 1.1.2...

- Mục 1.1.1.1., 1.1.2.2, ...

***5.2. Quy định kích thước (theo font chữ Time New Roman mã unicode)***

| **Đề mục** | **Kiểu chữ** | **Cỡ chữ** | **Định dạng** | **Ví dụ (mẫu chữ)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Phần (A,B,C,C) | Time New Roman (Hoa) | 15 | Đậm, đứng | **PHẦN A**  **NĂNG LƯỢNG** |
| Chương (đánh theo số 1,2,3...) | Time New Roman (Thường) | 13 | Đậm, nghiêng | ***Chương 1*** |
| Tên chương | Time New Roman (Hoa) | 14 | Đậm, đứng | **TỔNG QUAN VỀ NĂNG LƯỢNG** |
| Mục 1 (đánh số 1.1, 1.2,...) | Time New Roman (Hoa) | 13 | Đậm, đứng | **1.1. KHÁI NIỆM, NGUỒN GỐC VÀ PHÂN LOẠI NĂNG LƯỢNG** |
| Mục 2 (đánh số 1.1.1, 1.1.2, ...) | Time New Roman (Thường) | 13 | Đậm, đứng | **1.1.3. Phân loại năng lượng** |
| Mục 3 (nếu có) đánh theo 1.1.1.1., 1.1.2.2., ... | Time New Roman (Thường) | 13 | Đậm, nghiêng | ***1.1.3.1. Phân loại theo bản chất của việc tạo ra năng lượng*** |
| Mục 4 (nếu có) đánh theo a,b,c,d | Time New Roman (Thường) | 13 | nghiêng | *a. Nhóm năng lượng động năng* |
| Nội dung | Time New Roman (Thường) | 13 | Thường, đứng, dãn dòng đơn | Năng lượng được thể hiện dưới nhiều dạng |
| Tên hình, bảng | Time New Roman (Thường) | 12 | Đậm, đứng | **Bảng 3-4. Tính chất vật lý của nhiên liệu Diesel sinh học gốc B100** |
| Chú thích hình, bảng | Time New Roman (Thường) | 10 | Thường, đứng | 1- Landrace:  2- Yorshire |
| Phụ lục, tài liệu tham khảo | Time New Roman (Thường) | 12 | Thường, đứng | Nguyễn Việt Hùng  (2003)... |

**6. Bảng tra cứu thuật ngữ (nếu có)**

Gồm các thuật ngữ đã sử dụng trong giáo trình/TLTK được xếp thứ tự a,b,c kèm theo số trang của thuật ngữ đó.

**7. Từ vựng (nếu có):** Gồm các mô tả hoặc định nghĩa, khái niệm quan trọng đã sử dụng trong giáo trình được xếp theo a, b, c, ...

**8. Quy định về trang chuẩn A4**

Lề trên: 20mm; Lề dưới: 20mm; Lề trái: 30mm; Lề phải: 20mm. Phần nội dung được trình bày bằng chữ in thường – Times New Roman, cỡ chữ 13; Spacing (Before 0, After 0 pt); khoảng cách giữa các dòng hay cách dòng (line spacing) chọn dòng đơn (single line spacing); khi xuống dòng, chữ đầu dòng có thể lùi vào từ 1cm đến 1,27cm (1 default tab)).

**9. Trình bày hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ**

- Tiêu đề bảng được viết trên bảng, đánh số thự tự theo chương (ví dụ: Bảng 2.1. là bảng 1 thuộc chương 2...);

- Tiêu đề hình được viết dưới hình, đánh số thự tự theo chương (ví  dụ: Hình 3.2. là hình 2 thuộc chương 3...);

- Hình ảnh, đồ thị phải rõ nét, các chú giải bằng tiếng Việt. Bố cục cân đối giữa chữ và hình. Hình và chữ tương ứng xếp gần nhau trên cùng một trang để dễ đọc

***9.1. Quy định trình bày hình vẽ, sơ đồ***

*a. Kích thước hình vẽ, sơ đồ*

- Hình có kích thước nhỏ: 30mm ÷ 50mm x 50mm÷30mm;

- Hình có kích thước trung bình: 70mm ÷ 90mm x 50mm ÷ 70mm;

- Hình lớn có thể xếp theo chiều ngang hoặc chiều dọc.

*b. Bố trí hình vẽ, sơ đồ*

Hình nhỏ xếp về 1 phía của trang tương ứng;

Hình trung bình xếp cân giữa trang;

Hình lớn xếp theo chiều ngang;

Nhiều hình nhỏ xếp theo hàng ngang từ trái sang phải.

***9.2. Quy định trình bày bảng***

Với các biểu bảng, sơ đồ, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu các biểu bảng, sơ đồ, hình vẽ là lề trái của trang.

**10. Tài liệu tham khảo**

Được trình bày trên trang giấy riêng; từ “**TÀI LIỆU THAM KHẢO**” được trình bày trên một dòng riêng, canh giữa, bằng chữ in hoa, cỡ chữ 12, kiểu chữ đứng, đậm.

Các tài liệu tham khảo được đánh số đặt trong ngoặc vuông theo thư tự xuất hiện trong giáo trình và được ghi trong danh mục tài liệu tham khảo theo quy cách sau:

- Đối với các tài liệu là bài báo tham khảo trong tạp chí: tên tác giả, tên bài báo, tên tạp chí (*in nghiêng*), tập, năm xuất bản (để trong ngoặc đơn), DOI. Ví dụ:

[1] Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Lê Tuấn (2022), Tổng quan ảnh hưởng vi nhựa tới động vật đáy biển trên thế giới và những nghiên cứu đầu tiên ở Việt Nam, *Tạp chí Khoa học Đại học Tân Trào*, Tập 8, Số 2 (2022), DOI: https://doi.org/10.51453/2354-1431/2022/756.

- Đối với các tài liệu là sách: tên tác giả (năm xuất bản), tên sách (*in nghiêng*), nhà xuất bản, nơi xuất bản. Ví dụ:

[2] Nguyễn Trần Ngọc Linh (2022), *Điện động lực học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

- Với luận án Tiến sĩ, luận văn Thạc sĩ: Tên Tác giả được viết tắt theo quy định (năm nhận được học vị Tiến sỹ hoặc Thạc sĩ để trong ngoặc đơn). Tên luận án Tiến sĩ hoặc luận văn Thạc sĩ bằng chữ nghiêng. Tên cơ sở đào tạo. Địa chỉ đường dẫn (link) trên mạng Internet (nếu có)

- Với báo cáo tổng kết dự án, đề tài nghiên cứu: Tên các Tác giả được viết tắt theo quy định (năm nghiệm thu dự án hoặc đề tài nghiên cứu). *Tên dự án hoặc đề tài nghiên cứu bằng chữ nghiêng.* Tên cơ quan chủ quản, mã số dự án hoặc đề tài nghiên cứu. Địa chỉ đường dẫn (link) trên mạng Internet (nếu có)

- Với địa chỉ Internet: Tên trang web. *Tên tài liệu bằng chữ nghiêng.* Tên cơ quan chủ quản, mã số dự án hoặc đề tài nghiên cứu. Địa chỉ đường dẫn (link) trên mạng Internet, ngày tháng năm truy cập.

**11. Phụ lục (nếu có)**

- Phụ lục gồm các biểu bảng, công thức, hình ảnh minh hoạ, tài liệu trích dẫn.

- Phụ lục kèm theo giáo trình/TLTK được trình bày trên các trang giấy riêng; từ “**PHỤ LỤC**” và số thứ tự của phụ lục (trường hợp có từ hai phụ lục trở lên) được trình bày trên một dòng riêng, canh giữa, bằng chữ in hoa, cỡ chữ 11, kiểu chữ đứng, đậm; tiêu đề (tên) của phụ lục được trình bày canh giữa, bằng chữ in hoa, cỡ chữ từ 13, kiểu chữ đứng, đậm.

**12. Số trang**

Được trình bày tại chính giữa, ở cuối trang giấy (phần footer), bằng chữ số Ả-rập, cỡ chữ 12, kiểu chữ đứng, thường.